TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2019/HNGĐ-PT
Ngày 26 tháng 03 năm 2019
V/v *xin ly hôn và tranh chấp tài sản khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Điệt, ông Hoàng Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dântỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khaivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 178/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐ-PT ngày13 tháng02 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị V. Sinh năm: 1984, địa chỉ: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người phiên dịch : Bà Quàng Hồng Nết; địa chỉ bản Giảng lắc phường Quyết Thắng,thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng C Việt Nam. Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đơn vị được ủy quyền: Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện M, chi nhánh tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: ông Cầm Văn Sơn, Giám đốc phòng giao dịch.(Tòa không triệu tập do không liên quan đến kháng cáo).

- Bà Vì Thị P sinh năm 1950 Địa chỉ: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Hoàng Văn E. Địa chỉ: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La.(Tòa không triệu tập do không liên quan đến kháng cáo).

- Chị Hoàng Thị T. Địa chỉ: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La. (Tòa không triệu tập do không liên quan đến kháng cáo).

Do có kháng cáo của Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Bà Vì Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năn 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị V trình bày như sau*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn D kết hôn từ 2000 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện M, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/03/2000 và được hai bên gia đình đồng ý, đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 14 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên đi uống rượu say về chửi bới vợ con , nhiều khi đi uống rượu cả tuần, khi say về đánh đập, dọa đuổi chị ra khỏi nhà. Sự việc cũng đã được chính quyền bản hòa giải , anh D cũng đã viết cam đoan nhưng không thay đổi vẫn tiếp tục chửi bới vợ con. Do không thể tiếp tục chung sống nên trước tết âm lịch chị V đã đưa con chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh D có đến nhà ngoại đón chị và các con về chung sống nhưng chỉ được khoảng 01 tháng anh lại tiếp tục rượu chè , chửi bới, đánh đập vợ con. Chị không thể chung sống cùng anh D nên đã đưa cả hai con sang nhà ngoại sống. Chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị Nhung , sinh ngày: 20/5/2001 và cháu Hoàng Văn Diệp, sinh ngày 02/04/2009, hiện tại hai cháu đang ở với chị . Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng anh chị gồm có:

- Nhà đất:

+ 01 nhà xây cấp 4 khoảng 36m^2 + 01 nhà kho làm bằng tôn rộng khoảng 100m^2 xây dựng từ năm 2014, tổng trị giá 150.000.000VNĐ. Nhà và kho làm trên diện tích đất 7mx75m được nhận chuyển nhượng từ năm 2013 giá mua 70.000.000VNĐ, trong đó có 30.000.000VNĐ tiền bán cafe và 40.000.000VNĐ là tiền đền bù (tiền đền bù đất và tài sản trên đất của bố mẹ anh D cho hai vợ chồng). Mảnh đất trên do chị V và anh D cùng đi mua, chỉ làm hợp đồng mua bán viết tay và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất . Phần tài sản này anh chị chưa tự thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh chị còn có một số tài sản chung khác anh chị đã tự thỏa thuận được trong quá trình giải quyết vụ án và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng:

- Nợ Ngân hàng chính sách: 50.000.000VNĐ
- Nợ anh Hoàng Văn Diêm : 20.000.000VNĐ
- Nợ chị Hoàng Thị Thắng: 10.000.000VNĐ

Toàn bộ các khoản nợ trên đều có giấy tờ xác nhận.

Phần nợ chung anh chị cũng đã thống nhất được việc phân chia trách nhiệm trả nợ và đã được sự đồng ý của các chủ nợ.

** Tại bản tự khai ngày 27/7/2018 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình kết hôn, anh không có ý kiến gì khác. Đúng như chị V đã trình bày. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, đã đi đăng ký kết hôn, được pháp luật công nhận và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì xảy ra mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do anh làm nghề cho thuê phông rạp thường phải đi giao lưu, khi say rượu anh có không làm chủ được bản thân có nặng lời với chị V. Nhưng anh chưa bao giờ đuổi chị V ra khỏi nhà. Trước tết giữa anh và con gái có mâu thuẫn, con gái bỏ về nhà ngoại, chị V đi cùng con gái về nhà ngoại, anh có về nhà ngoại đón vợ con về để hòa giải nhưng chỉ có vợ về cùng. Anh chị chung sống được 01 tháng thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Chị V và con chuyển về nhà ngoại ở. Khi chị V có đơn xin ly hôn, anh vẫn luôn tìm cách níu kéo. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh D có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Diệp cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung vợ chồng: Nhất trí với ý kiến của chị V. Một số tài sản anh chị đã tự thỏa thuận, phân chia xong không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại phần tài sản là đất mua lại của ông Hoàng Lục Châm và tài sản trên đất như chị V trình bày anh chị có tranh chấp. Anh D cho rằng đây là tài sản có nguồn gốc hình thành từ việc nhận tiền đền bù đất mà mẹ anh là bà P đã cho. Nay bà P có yêu cầu đòi lại nên anh cũng nhất trí trả lại cho bà P.

Về nợ chung vợ chồng: Anh chị đã tự thỏa thuận được về trách nhiệm trả nợ.

** Tại bản tự khai ngày 11/10/2018 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vì Thị P trình bày:*

Bà kiến nghị đến Toà án xem xét lại mảnh đất của bà cho con trai bà là Hoàng Văn D làm ăn trên đất của bà và dựng nhà trên đất của bà đến năm 2014 thì bên Cảnh sát cơ động thu hồi lại đất có diện tích là 2.629,20m^2 với mức giá được bồi thường đất trồng cây hàng năm là 19.000VNĐ/1m^2 tổng là 49.954.800VNĐ. Đối với đất trồng cây lâu năm gấp 3 lần giá đất trên và cộng với giá đất trồng cây hàng năm là 76.000VNĐ/1m^2 đất. Số tiền được nhận bồi thường đất bên cơ động là 199.819.200VNĐ. Hai vợ chồng con trai bà có lấy 70.000.000VNĐ để mua đất còn 129.819.200VNĐ thì làm nhà. Nay chị V có yêu cầu muốn ly hôn với con trai bà, bà đề nghị vợ chồng anh D, chị V phải trả lại cho bà giá trị phần đất mà bà đã cho trước đây tính theo giá hiện tại là 152.000đ/1m^2 x 2.629,2m^2 = 399.638.400VNĐ.

** Tại văn bản trình bày ý kiến số 213/NHCS – YK ngày 01/11/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện M trình bày như sau:* Ngày 12/11/2016, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện M đã ký hợp đồng vay vốn với hộ gia đình anh Hoàng Văn D và chị Hoàng Thị V, địa chỉ bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La theo mã món vay số: 6600000708912567, số tiền 50.000.000VNĐ, do anh Hoàng Văn D làm đại diện đứng tên trên hồ sơ vay vốn. Với thời hạn vay là 5 năm. Trong quá trình vay vốn đều được sự nhất trí của cả hai vợ chồng và cả người vay và người thừa kế đều được ký nhận trong hồ sơ vay vốn. Nay anh chị V, D thuận tình ly hôn và có thỏa thuận về việc trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng nhất trí với thỏa thuận của anh chị.

** Tại bản tự khai ngày 10/10/2018 và biên bản lấy lời khai ngày10/10/2018, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Thắng anh Diêm có ý kiến:* Nhất trí với thỏa thuận về việc trả nợ của anh D và chị V, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 178/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 37, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, Điều271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

- *Về con chung:* Giao con chung là cháu Hoàng Thị Nhung , sinh ngày: 20/5/2001 và cháu Hoàng Văn Diệp, sinh ngày 02/04/2009 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận việc chị Hoàng Thị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung:*

Anh D được quyền sử dụng đối với diện tích 225,6m^2 (đất đã trừ diện tích sử dụng trong hành lang giao thông) có giá trị là 75.000.000VNĐ và toàn bộ công trình xây dựng trên đất được sử dụng gồm: Nhà cột sắt mái tôn diện tích 102,34m^2, nền lát vữa xi măng, một mặt mượn tường nhà ông Hoàng Văn Du, một mặt xây tường rào (gạch BAck); Nhà xây cấp 4 tường 10, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn diện tích 45,06m^2 và toàn bộ cây ăn quả thuộc phần đất được sử dụng. Tổng giá trị tài sản anh D được chia là 279.614.000VNĐ

Chị V được quyền sử dụng đối với diện tích 225,6m^2 và toàn bộ cây ăn quả trên phần diện tích đất được sử dụng.Tổng giá trị tài sản chị V được chia là 81.684.000VNĐ.

- *Về nợ chung*: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh D và chị V về phân chia trách nhiệm trả nợ như sau:

Anh D có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Văn Diêm số tiền 20.000.000VNĐ và lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Chị Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị Thắng số tiền 10.000.000VNĐ và lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Anh D và chị V cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch M số tiền gốc là 50.000.000VNĐ cùng lãi phát sinh tương ứng khi đến hạn thanh toán. Cụ thể: Anh D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền gốc là 14.000.000VNĐ (cùng lãi phát sinh tương ứng). Chị Hoàng Thị V có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xá hội huyện M số tiền là 36.000.000VNĐ cùng lãi phát sinh tương ứng.

- *Về giải quyết yêu cầu độc lập của Người có quyền nghĩa vụ liên quan – bà Vì Thị P*:Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Vì Thị P về việc buộc anh D và chị V phải trả cho bà giá trị quyền sử dụng đất mà bà đã cho.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với bản án sơ thẩm, ngày 07/12/2018 Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Vì Thị P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án xem xét, lấy lại giá trị đất hoặc lấy đất, nhà ở mà hiện nay anh chị V D đang sinh sống, do Biên bản lập tặng cho quyền sử dụng đất đề ngày 05/01/2003 là giả tạo, không có thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự trình bày như sau:

*Nguyên đơn – chị Hoàng Thị V: Không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của bà P, đề nghị giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

*Bị đơn – anh Hoàng Văn D: Đề nghị trả lại toàn bộ nhà và đất hiện nay anh D, chị V đang quản lý cho bà Vì Thị P. Trường hợp nếu phải chia đất thì chia cả phần đất bố mẹ chị P đã cho hai vợ chồng.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – bà Vì Thị P: Đề nghị được lấy lại giá trị đất bồi thường trước đây hoặc yêu cầu anh chị V D trả lại toàn bộ phần đất và tài sản trên đất mà anh chị đang quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về việc tham gia tố tụng của những Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi có thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 04/10/2018, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, vụ án có 02 đương sự là Nguyên đơn chị Hoàng Thị V và bị đơn anh Hoàng Văn D. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục về việc lấy lời khai, hòa giải, công khai chứng cứ và xem xét, thẩm định giá, Tòa án mới tiếp tục bổ sung thêm người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Vì Thị P, chị Hoàng Thị Thắng, anh Hoàng Văn Diêm và Ngân hàng chính sách xã hội huyện M vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, việc bổ sung người vào tham gia tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót như sau:Tòa án không tiến hành thông báo về việc đưa bổ sung người vào tham gia tố tụng, nên chưa có căn cứ pháp lý phát sinh quyền, nghĩa vụ của bà Vì Thị P, chị Hoàng Thị Thắng, anh Hoàng Văn Diêm và Ngân hàng chính sách xã hội huyện M với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Những người có quyền, nghĩa vụ liên quan được bổ sung sau, nên không được tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của các đương sự, chị Hoàng Thị Thắng, anh Hoàng Văn Diêm, Ngân hàng chính sách xã hội huyện M nhất trí với thỏa thuận và phương án trả nợ của anh chị V D, không có ý kiến gì. Do đó, xét thấy việc chị Thắng, anh Diêm, Ngân hàng chính sách không được tham gia phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của họ trong vụ án này.

Bà Vì Thị P đã được tham gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án sơ thẩm tiến hành vào ngày 11/10/2018, tại phiên họp, bà P đã được trình bày ý kiến, nêu rõ quan điểm và ý kiến giải quyết của mình đối với tài sản là nhà và đất đang có tranh chấp. Do đó, bà P đã được đảm bảo các quyền tham gia tố tụng theo quy định.

[2] Về thụ lý yêu cầu độc lập của bà Vì Thị P: Ngày 11/10/2018, bà Vì Thị P với tư cách là Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu độc lập với nội dung: *Nguồn gốc hình thành nên tài sản nhà và đất đang có tranh chấp là từ số tiền bồi thường thu hồi diện tích đất nằm trong GCNQSDĐ mang tên ông Hoàng Văn Phóng là chồng của bà Vì Thị P. Do đó, bà yêu cầu anh chị D V phải trả lại cho bà số tiền 399.638.400 đồng*. Xét thấy, tại thời điểm thụ lý đơn yêu cầu độc lập của

bà P vào ngày 11/10/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành 02 phiên công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 27/7/2018 và 04/10/2018. Theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLTTDS 2015 thì: "*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền đưa ra yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*". Như vậy, trong trường hợp này, đơn yêu cầu độc lập của bà P nộp sau thời điểm công khai, chứng cứ, nên việc Tòa án nhân dân huyện M thụ lý yêu cầu độc lập của bà P là không đúng quy định của pháp luật, cần trả lại số tiền nộp tạm ứng án phí cho bà P.

[3] Về quan hệ hôn nhân và con chung: Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, anh D, chị V đều giữ nguyên quan điểm đề nghị được giải quyết cho ly hôn, giao con chung cho chị V được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đề nghị của anh chị là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần giữ nguyên như nội dung của bản án sơ thẩm về vấn đề này.

[4] Về tranh chấp tài sản chung và yêu cầu kháng cáo của bà Vì Thị P:

Theo ý kiến trình bày của anh D và bà P, xác định phần diện tích 513,6m^2 bao gồm nhà và đất tại bản A, xã S, huyện M có nguồn gốc hình thành từ số tiền 369.477.760 đồng (*Ba trăm sáu chín triệu bốn trăm bảy bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*) do được đền bù đất theo dự án đầu tư xây dựng doanh trại các đơn vị mới thành lập thuộc Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động – Bộ Công an từ năm 2014. Nguồn gốc diện tích đất thu hồi là của ông Hoàng Văn Phóng, bà Vì Thị P – bố mẹ đẻ của anh Hoàng Văn D. Giấy viết tặng cho quyền sử dụng đất ngày 05/01/2003 là giả mạo, vì không có chữ ký của ông Phóng, chữ ký, chữ viết "Hoàng Văn D" trong giấy tặng cho không phải là của anh D nên đã đề nghị giám định đối với chữ viết này.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giám định chữ ký của anh D trong giấy tặng cho quyền sử dụng đất là không cần thiết. Bởi: Căn cứ vào hồ sơ giải phóng mặt bằng và bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản, hoa màu của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện M thì vào năm 2014, UBND huyện M tiến hành thu hồi đất tại bản A, xã S, huyện M để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng doanh trại các đơn vị mới thành lập thuộc Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động – Bộ Công an, anh Hoàng Văn D với tư cách là chủ hộ gia đình đã đứng ra ký các biên bản và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản, hoa màu. Tại biên bản xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 01/7/2013, anh D đã xác nhận nguồn gốc đất là được bố đẻ - ông Hoàng Văn Phóng cho tặng anh D từ năm 2007, bản thân vợ chồng anh chị D V cũng đã sử dụng ổn định từ năm 2003 đến khi đất bị thu hồi. Như vậy, chính anh D cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất bị thu hồi tại bản A, xã S

là do bố đẻ cho tặng. Nay anh D, chị V ly hôn, anh D không thừa nhận việc cho tặng đất là không có căn cứ chấp nhận.

Tổng số tiền gia đình anh D được hỗ trợ, bồi thường là 369.477.760 đồng; trong đó có 49.954.800 đồng tiền bồi thường về đất, 87.230.460 đồng tiền bồi thường về tài sản, vật kiến trúc, 49.518.100 đồng tiền bồi thường cây cối hoa màu và 182.774.400 đồng các khoản hỗ trợ khác. Xét thấy, số tiền được bồi thường về đất chỉ có 49.954.800 đồng, được bà P và các thành viên trong gia đình xác định là cho riêng anh D. Đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu và các khoản hỗ trợ khác là tài sản hợp pháp, hình thành trong quá trình hôn nhân của anh chị V D. Do đó, việc bà P cho rằng, anh chị V D phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền bồi thường đất 369.477.760 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

Anh D, chị V đã sử dụng tiền để mua 525m^2 đất của ông bà Châm, Tiển với giá là 70.000.000 đồng vào năm 2014, xây dựng nhà ở và chi dùng cá nhân toàn bộ số tiền được nhận bồi thường. Bà P và các thành viên trong gia đình đều biết và không có ý kiến tranh chấp gì. Nhà và đất đang có tranh chấp chủ yếu được hình thành từ số tiền hỗ trợ, bồi thường là tài sản chung hợp pháp của anh chị V D, có một phần đóng góp từ số tiền bồi thường đất được cho riêng anh D trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định, nhà và đất đang có tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng anh chị V D và ưu tiên chia phần tài sản nhiều hơn cho anh D là phù hợp, có căn cứ. Việc bà P kháng cáo, yêu cầu đòi lại nhà và đất của anh chị V D là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D,chị V, vẫn giữ nguyên quan điểm về giải quyết nợ chung như tại cấp sơ thẩm. Do đó, cần giữ nguyên nội dung này như trong bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Bà Vì Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu độc lập do Tòa án thụ lý yêu cầu không đúng quy định của pháp luật và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do án bị cải sửa.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên; xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Vì Thị P, cần sửa một phần quyết định của Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 178/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Sơn Lavề án phí.

Các quyết định khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Vì Thị P, sửa một phầnBản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 178/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn la về án phí như sau:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung làcháu Hoàng Thị N, sinh ngày: 20/5/2001 và cháu Hoàng Văn B, sinh ngày 02/04/2009 cho chị V trực tiếp trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chấp nhận việc chị Hoàng Thị V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung:

Anh D được quyền sử dụng đối với diện tích 225,6m^2 (đất đã trừ diện tích sử dụng trong hành lang giao thông) có giá trị là 75.000.000VNĐ. Cụ thể các tứ cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Nam giáp đường Hát Lót xã S rộng 7,8m.

Phía Bắc đất chị Hoàng Thị V được sử dụng dài 7,8m.

Phía Đông cạnh giáp nhà ông Hoàng Văn Du dài 28,9m (đã trừ hành lang giao thông 8m).

Phía Tây cạnh giáp đường dân sinh rộng 28,9m (đã trừ hành lang giao thông 8m)

Anh D được quyền sở hữu đối với toàn bộ công trình xây dựng trên đất được sử dụng gồm: Nhà cột sắt mái tôn diện tích 102,34m^2, nền lát vữa xi măng, một mặt mượn tường nhà ông Hoàng Văn Du, một mặt xây tường rào (gạch BAck); Nhà xây cấp 4 tường 10, nền lát gạch hoa, mái lợp tôn diện tích 45,06m^2 và toàn bộ cây ăn quả thuộc phần đất được sử dụng. Tổng giá trị tài sản anh D được chia là 279.614.000VNĐ

Chị V được quyền sử dụng đối với diện tích 225,6m^2. Cụ thể tứ cạnh tiếp giáp như sau:

Phía Nam giáp đất anh D được sử dụng rộng 7,8m.

Phía Bắc cạnh giáp đường dân sinh dài 11m + 6m.

Phía Tây cạnh giáp đường dân sinh dài 20,3m.

Phía Đông cạnh giáp đất ông Du dài 30,1m.

Và được quyền sở hữu toàn bộ cây ăn quả trên phần diện tích đất được sử dụng.

Tổng giá trị tài sản chị V được chia là 81.684.000VNĐ.

Phần diện tích đất anh D và chị V được sử dụng thuộc thửa đất nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Lục Châm. Địa chỉ thửa đất: Bản A, xã S, huyện M, tỉnh Sơn La.

4. Về nợ chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh D và chị V về phân chia trách nhiệm trả nợ như sau:

Anh D có trách nhiệm trả cho anh Hoàng Văn Diêm số tiền 20.000.000VNĐ và lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Chị Hoàng Thị V có trách nhiệm trả cho chị Hoàng Thị Thắng số tiền 10.000.000VNĐ và lãi phát sinh theo thỏa thuận.

Anh D và chị V cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch M số tiền gốc là 50.000.000VNĐ cùng lãi phát sinh tương ứng khi đến hạn thanh toán. Cụ thể: Anh D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền gốc là 14.000.000VNĐ (cùng lãi phát sinh tương ứng). Chị Hoàng Thị V có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xá hội huyện M số tiền là 36.000.000VNĐ cùng lãi phát sinh tương ứng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Vì Thị P buộc anh D và chị V phải trả cho bà giá trị quyền sử dụng đất mà bà đã cho.

6. Về án phí:

Bà Vì Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm .

Bà Vì Thị P được hoàn lại 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0001819 ngày 10/12/2018 và 9.990.000 đồng (*Chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) Biên lai thu số AA/2016/0001886 nộp ngày 11/10/2018; tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M tỉnh Sơn La.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án Hôn nhân gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/03/2019).

Nơi nhận:
- TAND huyện M;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện M;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện M;
- Đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Cầm Văn Thanh